

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa và Công ty con

*Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

và Báo cáo của Ban Giám đốc

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa và Công ty con

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 23

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa và Công ty con

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con (gọi tắt là “Nhóm Công ty”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1047/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 058404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 07 tháng 05 năm 2001.

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty: Sản xuất cấu kiện bê tông và bê tông thương phẩm; Sản xuất cấu kiện kim loại phục vụ xây dựng; Xây dựng công trình công nghiệp, nhà ở; Kinh doanh nhà.

Công ty có trụ sở chính tại Đường 1, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lợi nhuận thuần hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty là **192.529.857** đồng Việt Nam.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty bao gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Hồ Đình Thuần	Chủ tịch
Ông Trần Văn Ngân	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Hùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Ủy viên
Ông Phan Văn Hải	Ủy viên

BAN GIÁM ĐỐC

Ông Hồ Đình Thuần	Tổng Giám đốc bổ nhiệm kể từ ngày 9 tháng 11 năm 2009
Ông Phạm Hùng	Tổng Giám đốc bãi nhiệm kể từ ngày 9 tháng 11 năm 2009
Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Kim	Phó Tổng Giám đốc bổ nhiệm kể từ ngày 1 tháng 6 năm 2009

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa và Công ty con

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Nhóm công ty cho năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc

Hồ Đình Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2010

Số tham chiếu: 10-2-044/CPAHANOI/HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa và Công ty con
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Kính gửi: Cổ đông và hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa (gọi tắt là “Công ty”) và Công ty con (gọi tắt là “Nhóm công ty”) vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày từ trang 4 đến trang 23.

Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Tô Quang Tùng
Giám đốc chỉ nhánh
Số đăng ký: 0270/KTV

Hồ Đình Phúc
Kiểm toán viên
Số đăng ký: 1268/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2010

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa và Công ty con

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		86.885.842.782	64.863.553.060
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.451.017.865	1.548.423.865
1. Tiền	111	3	2.451.017.865	1.548.423.865
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.547.182.640	43.278.447.434
1. Phải thu của khách hàng	131		61.952.431.261	47.222.784.697
2. Trả trước cho người bán	132		1.182.897.695	3.492.435.985
3. Các khoản phải thu khác	135		215.940.125	84.236.766
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(5.804.086.441)	(7.521.010.014)
III. Hàng tồn kho	140		25.510.077.180	15.498.817.312
1. Hàng tồn kho	141	4	26.212.647.458	16.721.617.620
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(702.570.278)	(1.222.800.308)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.377.565.097	4.537.864.449
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		231.457.740	576.968.303
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.454.618	2.924.415.514
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.707.677	191.743.848
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5	1.130.945.062	844.736.784
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		89.821.217.901	86.812.354.812
I. Tài sản cố định	220		88.311.075.432	85.725.000.146
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	66.097.554.555	23.179.305.102
- Nguyên giá	222		108.196.733.545	57.535.137.060
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.099.178.990)	(34.355.831.958)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	21.582.355.952	21.957.364.757
- Nguyên giá	228		22.040.668.802	21.957.364.757
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(458.312.850)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	631.164.925	40.588.330.287
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		50.000.000	50.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		50.000.000	50.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.460.142.469	1.037.354.666
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.098.885.922	1.007.857.294
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	10	361.256.547	29.497.372
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		176.707.060.683	151.675.907.872

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa Và Công Ty Con

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		127.227.473.293	100.698.808.816
I. Nợ ngắn hạn	310		83.200.140.354	61.512.923.967
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	28.118.231.084	20.730.132.262
2. Phải trả cho người bán	312		52.087.301.791	36.327.547.156
3. Người mua trả tiền trước	313		699.980.272	689.539.992
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	12	216.772.722	567.496.049
5. Phải trả người lao động	315		1.496.170.875	1.248.254.524
6. Chi phí phải trả	316	13	186.888.040	188.630.143
7. Các khoản phải trả phải nộp khác	319	14	394.795.570	1.761.323.841
II. Nợ dài hạn	330		44.027.332.939	39.185.884.849
1. Vay và nợ dài hạn	334	15	43.910.000.000	39.055.802.849
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		117.332.939	130.082.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		49.479.587.390	50.977.099.056
I. Vốn chủ sở hữu	410		49.174.411.369	50.813.753.631
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	16	45.000.000.000	45.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.609.818.000	1.609.818.000
3. Chênh lệch tỉ giá hối đoái	416		(271.187.430)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	17	1.652.254.535	1.652.254.535
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	17	990.996.407	800.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	192.529.857	1.751.681.096
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		305.176.021	163.345.425
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	17	305.176.021	163.345.425
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		176.707.060.683	151.675.907.872

Trần Văn Ngân
Kế toán trưởng

Hồ Đình Thuần
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2010

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa và Công ty con

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	152.035.060.998	146.814.043.347
2. Các khoản giảm trừ	03	18	71.212.988	319.873.360
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	151.963.848.010	146.494.169.987
4. Giá vốn hàng bán	11	19	129.972.483.304	119.333.502.873
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.991.364.706	27.160.667.114
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		25.791.403	137.667.559
7. Chi phí tài chính	22	20	5.785.787.171	2.559.151.135
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		5.350.715.329	2.501.144.232
8. Chi phí bán hàng	24	21	8.270.168.955	7.055.790.304
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	7.972.215.589	10.583.751.033
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(11.015.606)	7.099.642.201
11. Thu nhập khác	31		303.023.302	831.261.509
12. Chi phí khác	32		93.853.535	164.400.904
13. Lợi nhuận khác	40		209.169.767	666.860.605
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		198.154.161	7.766.502.806
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	337.383.479	742.075.403
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	10	(331.759.175)	(29.497.372)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		192.529.857	7.053.924.775
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		43	1.568

Trần Văn Ngân
Kế toán trưởng

Hồ Đình Thuần
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2010

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa và Công ty con

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		198.154.161	7.766.502.806
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		8.403.516.827	4.823.512.580
- Các khoản dự phòng	03		(2.249.902.664)	3.782.142.940
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(4.393.916)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(55.419.037)	(252.324.101)
- Chi phí lãi vay	06		5.350.715.329	2.501.144.232
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11.647.064.616	18.616.584.541
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(10.773.867.681)	(7.657.439.576)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(9.491.029.838)	560.803.317
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		16.768.392.025	13.406.203.454
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(91.028.628)	(872.859.688)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(5.350.715.329)	(2.501.144.232)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(961.431.337)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(509.850.500)	(604.880.283)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.198.964.665	19.985.836.196
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.000.844.008)	(76.793.931.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		41.142.858	345.502.164
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25.528.074	117.099.724
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.934.173.076)	(76.331.329.748)

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa và Công ty con

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		82.431.252.799	102.199.326.845
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(70.176.196.767)	(57.046.314.419)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.618.182.000)	(5.023.618.000)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40		9.636.874.032	40.129.394.426
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		901.665.621	(16.216.099.126)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.548.423.865	17.760.129.075
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		928.379	4.393.916
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3	2.451.017.865	1.548.423.865

Trần Văn Ngân
Kế toán trưởng

Hồ Đình Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2010

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa và Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1047/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 058404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 7 tháng 5 năm 2001 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau này.

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty: Sản xuất cấu kiện bê tông và bê tông thương phẩm; Sản xuất cấu kiện kim loại phục vụ xây dựng; Xây dựng công trình công nghiệp, nhà ở; Kinh doanh nhà.

Công ty có trụ sở chính tại Đường 1, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán đăng ký áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con: Công ty con là đơn vị do Công ty kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của Công ty con. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất: Số dư và các giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong Nhóm công ty được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa và Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Hàng tồn kho và dự phòng hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm giá mua cộng với chi phí vận chuyển, chi phí thu mua. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo nguyên giá, khấu hao và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm giá mua cộng chi phí vận chuyển, lắp đặt. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	7 – 30 năm
Máy móc thiết bị	6 – 15 năm
Phương tiện vận tải	5 – 8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 10 năm

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí liên quan để có được quyền sử dụng đất và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Quyền sử dụng đất sẽ được khấu hao trong vòng 48 năm.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của công ty là các công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định không đủ tiêu chuẩn để ghi nhận tài sản cố định. Chi phí này được phân bổ trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Chi phí lãi vay

Lãi vay phải trả được tính vào chi phí kinh doanh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm và xây dựng tài sản cố định cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích lập vào cuối mỗi năm. Mức trích lập bằng 3% trên Tổng quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản công nợ dài hạn được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ tài sản và công nợ ngắn hạn được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán.

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa và Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi công ty đã giao hàng cho người mua và được người mua chấp nhận thanh toán bất kể đã thu được tiền hay chưa.

Thuế

Thuế hiện hành

Thuế phải nộp cho năm hiện hành được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến cuối năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày đến cuối năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng theo cơ sở kế toán.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	1.113.924.641	427.826.586
Tiền gửi ngân hàng	1.337.093.224	1.120.597.279
Tổng cộng	2.451.017.865	1.548.423.865

4. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	15.946.632.146	9.509.972.015
Công cụ, dụng cụ	567.630.531	223.028.706
Chi phí sản xuất dở dang	83.287.370	-
Thành phẩm	9.600.204.554	6.988.616.899
Hàng hóa	14.892.857	-
Tổng cộng	26.212.647.458	16.721.617.620

5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	43.353.838	-
Tạm ứng	981.180.524	809.736.784
Ký quỹ	106.410.700	35.000.000
Tổng cộng	1.130.945.062	844.736.784

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa và Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc Thiết bị	Phương tiện Vận tải	Dụng cụ Quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	7.810.198.985	31.344.140.017	18.078.243.200	243.754.858	58.800.000	57.535.137.060
Tăng trong kỳ	21.249.961.068	27.184.579.056	1.680.325.404	179.542.400	580.297.397	50.874.705.325
Giảm trong kỳ	-	(150.000.000)	-	(63.108.840)	-	(213.108.840)
Số dư cuối kỳ	29.060.160.053	58.378.719.073	19.758.568.604	360.188.418	639.097.397	108.196.733.545
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	4.442.002.735	19.633.640.330	10.061.128.269	217.660.624	1.400.000	34.355.831.958
Tăng trong kỳ	1.070.105.112	5.125.911.092	1.677.942.705	21.395.252	49.849.816	7.945.203.977
Giảm trong kỳ	-	(138.748.105)	-	(63.108.840)	-	(201.856.945)
Số dư cuối kỳ	5.512.107.847	24.620.803.317	11.739.070.974	175.947.036	51.249.816	42.099.178.990
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	3.368.196.250	11.710.499.687	8.017.114.931	26.094.234	57.400.000	23.179.305.102
Tại ngày cuối kỳ	23.548.052.206	33.757.915.756	8.019.497.630	184.241.382	587.847.581	66.097.554.555

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa và Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	21.957.364.757	21.957.364.757
Tăng trong năm	83.304.045	83.304.045
Số dư cuối năm	22.040.668.802	22.040.668.802
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm		
Khấu hao trong năm	458.312.850	458.312.850
Số dư cuối năm	458.312.850	458.312.850
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	21.957.364.757	21.957.364.757
Tại ngày cuối năm	21.582.355.952	21.582.355.952

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí đầu tư xây dựng nhà máy bê tông An Hòa	631.164.925	40.588.330.287
Tổng cộng	631.164.925	40.588.330.287

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.007.857.294	-
Tăng trong năm	497.513.888	1.053.505.308
Giảm trong năm	(406.485.260)	(45.648.014)
Số dư cuối năm	1.098.885.922	1.007.857.294

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa và Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

10. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	361.256.547	29.497.372
Tổng cộng	361.256.547	29.497.372

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng trong kỳ.

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam – CN Biên Hòa	12.646.614.299	13.996.132.262
Ngân hàng VID PUBLIC – Chi nhánh Bình Dương	4.971.616.785	-
Huy động vốn cá nhân	1.250.000.000	950.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh số 15)	9.250.000.000	5.784.000.000
Tổng cộng	28.118.231.084	20.730.132.262

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa theo Hợp đồng tín dụng số 131/09/VCB.BH ngày 1/9/2009 với hạn mức 15 tỷ đồng (trong đó hạn mức cho vay là 14 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh là 1 tỷ đồng) với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là hàng tồn kho theo biên bản định giá ngày 27/8/2009 là 10.000.000.000 đồng và khoản phải thu khách hàng theo biên bản định giá tài sản ngày 27/8/2009 là 30.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay trong hạn được xác định trên giấy nhận nợ theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn trong khoảng từ 5,5%/năm đến 12%/năm.

Vay ngắn hạn ngân hàng VID PUBLIC – Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng vay số: BDG/FL/09/068 & BDG/LC/TR/RC/09/069 ngày 1/7/2009 với hạn mức 5 tỷ đồng với mục đích để nhập khẩu nguyên vật liệu, phụ liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BDG/LC/FL/2008/157 ngày 5/5/2008. Lãi suất được xác định bằng lãi suất liên ngân hàng (hoặc lãi suất tiền gửi) kỳ hạn 6 tháng cộng 2,5% mỗi năm. Kỳ hạn của mỗi lần vay tối đa không quá 120 ngày kể từ ngày của tờ khai Hải quan của các khoản nhập khẩu đó.

Khoản vay vốn cá nhân được thực hiện theo các hợp đồng huy động vốn ký kết với từng cá nhân với thời hạn hoàn trả vốn theo yêu cầu của bên cho vay chậm nhất là 7 ngày tính từ ngày bên cho vay yêu cầu. Lãi suất tính bằng lãi suất cho vay tại thời điểm mà Ngân hàng Công ty giao dịch và tiền lãi được thanh toán mỗi 3 tháng.

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa và Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	70.273.878	-
Thuế nhập khẩu	-	559.057.495
Thuế thu nhập doanh nghiệp	145.639.631	-
Thuế thu nhập cá nhân	859.213	8.438.554
Tổng cộng	216.772.722	567.496.049

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí kiểm toán	40.000.000	42.000.000
Cước điện thoại, tiền nước	39.255.540	16.739.643
Tiền ăn trưa, ca 2 của CBCNV	107.632.500	33.890.500
Thù lao hội đồng quản trị	-	80.000.000
Phí dịch vụ bảo vệ	-	16.000.000
Tổng cộng	186.888.040	188.630.143

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức năm 2007 phải trả cho Liêm Chính	7.800.000	7.800.000
Cổ tức năm 2008 phải trả cho Tổng Công ty XD Số 1	-	1.718.182.000
Công ty cổ phần Ly Tâm Thủ Đức	242.426.000	-
Phải trả khác	144.569.570	35.341.841
Tổng cộng	394.795.570	1.761.323.841

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa và Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

15. VAY DÀI HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn	53.160.000.000	44.839.802.849
+ Số BDG/LC/FL/2008/175	46.160.000.000	44.839.802.849
+ Số BDG/FL/09/068 & BDG/LC/TR/RC/09/069	7.000.000.000	-
Trừ vay dài hạn đến hạn trả	9.250.000.000	5.784.000.000
+ Số BDG/LC/FL/2008/175	8.760.000.000	5.784.000.000
+ Số BDG/FL/09/068 & BDG/LC/TR/RC/09/069	490.000.000	-
Số dư của tài khoản vay dài hạn	43.910.000.000	39.055.802.849
+ Số BDG/LC/FL/2008/175	37.400.000.000	39.055.802.849
+ Số BDG/FL/09/068 & BDG/LC/TR/RC/09/069	6.510.000.000	-

Vay dài hạn Ngân hàng VID PUBLIC – Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng vay số BDG/LC/FL/2008/157 ngày 5/5/2008 với hạn mức 52 tỉ đồng với mục đích để mua quyền sử dụng đất làm nhà máy, chi phí xây dựng nhà xưởng, văn phòng và mua máy móc thiết bị. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BDG/LC/FL/2008/157 ngày 5/5/2008. Lãi suất được xác định bằng lãi suất liên ngân hàng (hoặc lãi suất tiền gửi) kỳ hạn 6 tháng cộng 2,5% mỗi năm. Thời gian ân hạn là 1 năm. Thời hạn trả nợ vay là 6 năm. Nợ gốc phải trả mỗi tháng là 723 triệu đồng bắt đầu từ tháng 5 năm 2009.

Vay dài hạn ngân hàng VID PUBLIC – Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng vay số BDG/FL/09/068 & BDG/LC/TR/RC/09/069 ngày 1/7/2009 với hạn mức 5 tỷ đồng với mục đích để bổ sung mua quyền sử dụng đất làm nhà máy, chi phí xây dựng nhà xưởng, văn phòng và mua máy móc thiết bị. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BDG/LC/FL/2008/157 ngày 5/5/2008. Lãi suất được xác định bằng lãi suất liên ngân hàng (hoặc lãi suất tiền gửi) kỳ hạn 6 tháng cộng 2,5% mỗi năm. Thời gian ân hạn là 1 năm. Thời gian trả nợ vay là 7 năm. Nợ gốc phải trả mỗi tháng là 98 triệu đồng bắt đầu từ tháng 7 năm 2009.

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa và Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị: đồng Việt Nam

CỔ ĐÔNG	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn của cổ phần Nhà Nước	17.181.820.000	17.181.820.000
Vốn của cổ đông khác	27.818.180.000	27.818.180.000
Tổng cộng	45.000.000.000	45.000.000.000

b. Cổ phiếu

CỔ PHIẾU	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành công chúng	4.500.000	4.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.500.000</i>	<i>4.500.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	4.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.500.000</i>	<i>4.500.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu.

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa và Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

17. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI VÀ CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP

Đơn vị: đồng Việt Nam

Khoản mục	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối
Số đầu kỳ	1.652.254.535	800.000.000	163.345.425	1.751.681.096
Chia cổ tức 2008	-	-	-	(900.000.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	200.000.000	651.681.096	(851.681.096)
Giảm quỹ	-	(9.003.593)	(509.850.500)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	192.529.857
Số cuối kỳ	1.652.254.535	990.996.407	305.176.021	192.529.857

- Quỹ khen thưởng phúc lợi giảm do chi các khoản thuộc về các hoạt động khen thưởng, phúc lợi.

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa và Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

18. DOANH THU

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Doanh thu	152.035.060.998	146.814.043.347
+ Doanh thu bán hàng	149.218.925.703	143.290.944.490
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.816.135.295	3.523.098.857
Các khoản giảm trừ	71.212.988	319.873.360
+ Hàng bán bị trả lại	70.485.715	318.959.074
+ Giảm giá hàng bán	727.273	914.286
Doanh thu thuần	151.963.848.010	146.494.169.987
+ Doanh thu bán hàng	149.147.712.715	142.971.071.130
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.816.135.295	3.523.098.857

19. GIÁ VỐN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	127.549.547.332	116.946.832.816
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.422.935.972	2.386.670.057
TỔNG CỘNG	129.972.483.304	119.333.502.873

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Lãi vay	5.350.715.329	2.501.144.232
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	140.037.570	-
Chi phí tài chính khác	295.034.272	58.006.903
TỔNG CỘNG	5.785.787.171	2.559.151.135

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa và Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.267.738.955	7.055.790.304
Chi phí bằng tiền khác	2.430.000	0
Tổng cộng	8.270.168.955	7.055.790.304

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.192.990.376	3.346.091.212
Chi phí vật liệu quản lý	902.277.322	733.060.071
Chi phí đồ dùng văn phòng	290.499.573	163.109.614
Chi phí khấu hao TSCĐ	87.799.786	138.647.120
Thuế phí và lệ phí	63.269.877	165.356.620
Chi phí dự phòng	(1.757.738.573)	3.229.662.453
Chi phí dịch vụ mua ngoài	973.613.391	378.062.521
Chi phí bằng tiền khác	3.219.503.837	2.429.761.422
Tổng cộng	7.972.215.589	10.583.751.033

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa và Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đơn vị: đồng Việt Nam

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1)	198.154.161	7.766.502.806
Các khoản điều chỉnh tăng	(2)	2.211.727.830	260.327.898
Các khoản điều chỉnh giảm	(3)	-	4.393.916
Tổng thu nhập chịu thuế (4) = (1) + (2) - (3)	(4)	2.409.881.991	8.022.436.788
Thuế TNDN (5) = (4) x 20%	(5)	481.976.398	1.604.487.358
Thuế TNDN được giảm (*)	(6)	-	802.243.679
Thuế TNDN được giảm (**)	(7)	144.592.919	60.168.276
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (8) = (5) - (6) - (7)	(8)	337.383.479	742.075.403

(*) Công ty mẹ được hưởng ưu đãi thuế như sau:

- + Được áp dụng thuế suất 20% trong 06 năm từ 2004 đến hết năm 2009;
- + Được giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm từ năm 2004 đến hết năm 2008.

(**) Công ty được giảm thuế TNDN theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/1/2009 của Bộ Tài chính.

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa và Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

24. THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm có phát sinh các giao dịch với các bên có liên quan như sau:

Đơn vị: đồng Việt Nam

Công ty có liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Tổng Công ty Xây dựng Số 1	Cổ đông lớn	Mua nguyên liệu sản xuất	10.822.180.740
		Bán nguyên liệu sản xuất	24.689.806.568

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ phải trả với các bên có liên quan như sau:

Đơn vị: đồng Việt Nam

Công ty có liên quan	Mối quan hệ	Số tiền
Tổng Công ty Xây dựng Số 1	Cổ đông lớn	2.834.326.388

Tổng tiền lương và thưởng của các thành viên lãnh đạo chủ chốt

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Thành viên Hội đồng quản trị	342.000.000	334.463.529
Ban giám đốc	330.000.000	580.396.536
Ban kiểm soát	125.462.038	82.151.194
Cộng	797.462.038	997.011.259

Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa và Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

25. THÔNG TIN KHÁC

Nhóm Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Trong vòng một năm	1.136.734.027	621.833.085
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	4.547.056.108	2.487.332.340
Sau năm năm	42.106.524.449	20.215.735.499

Trần Văn Ngân
Kế toán trưởng

Hồ Đình Thuần
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2010